TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/DS-PT
Ngày: 12-4- 2019
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Loan
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga
Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký Tòa án: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLPT-DS ngày 14/01/2019 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Toà án nhân dân huyện B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐ-PT ngày 11/02/2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hoành H**, sinh năm: 1965
Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)
- *Bị đơn:* Ông **Lương Văn M**, sinh năm: 1930
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)
- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lương Văn M:* Ông Phạm Đức H, sinh năm: 1967; địa chỉ: KP. N, TT. L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lương Minh H, sinh năm: 1958;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Phạm Đức H; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoành H trình bày: Ngày 14/7/2014, ông Lương Văn M có ký hợp đồng vay tài sản với số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng),

thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay. Khi vay, hai bên có lập giấy vay tiền và ông M có điểm chỉ vào giấy vay. Về lãi suất không thể hiện trong giấy mượn tiền, hai bên thống nhất thỏa thuận miệng với nhau. Khi đến hạn ông H đã yêu cầu và đòi nợ nhiều lần nhưng ông Lương Văn M không hợp tác để giải quyết khoản nợ trên. Nay ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B buộc ông Lương Văn M trả nợ cho ông số tiền gốc là: 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lương Văn M trình bày: Ông M thừa nhận vào ngày 14/7/2014, tại nhà Bà Lương Minh H (con gái ruột của ông) ông có điểm chỉ vào giấy vay tiền mà hiện nay ông H đang khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền vay là 900.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi điểm chỉ vào giấy vay tiền ông không biết chữ nên không biết nội dung trong giấy là ông vay của ông H số tiền 900.000.000đ mà chỉ nghe bà H (con gái ruột của ông) nói là điểm chỉ vào giấy để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên ông điểm vào giấy theo như lời bà H nói, bà H và ông H đã lừa dối để ông điểm chỉ vào giấy vay tiền. Nay ông H khởi kiện buộc ông phải trả số tiền gốc 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật ông không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lương Minh H: Tại bản tự khai gửi cho Tòa án đề ngày 26/6/2018, Bà H trình bày: Bà không biết việc vay mượn giữa ông Nguyễn Hoành H và ông Lương Văn M, bà không chứng kiến, không tham gia ký bất kỳ văn bản giấy tờ nào về việc vay mượn giữa ông Lương Văn M và ông Nguyễn Hoành H, đồng thời đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Toà án nhân dân huyện B tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoành H.

Buộc ông Lương Văn M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoành H tổng số tiền: 1.280.970.000đ (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó: 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) tiền gốc và 380.970.000đ (Ba trăm tám mươi triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Văn M phải chịu số tiền 50.429.100đ (Năm mươi triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Hoành H 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Hoành H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0015730 ngày 02 tháng 8 năm 2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/10/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Phạm Đức H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử lại vụ án theo hướng hủy toàn bộ Bản án số 19/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Toà án nhân dân huyện B.

Ngày 02/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Phạm Đức H thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoành H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, tuy phía nguyên đơn vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như biên bản lấy lời, khai bản tự khai, biên bản hòa giải có thể hiện ý kiến của ông H (BL 12, 22, 26, 45, 49) có căn cứ để xác định các bên đương sự đều thừa nhận, ông M là người điểm chỉ trong giấy nhận nợ ngày 14/7/2014, được ông H cung cấp (BL 43). Tuy nhiên, có những mâu thuẫn mà Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất, thu thập làm rõ cụ thể:

[I.1] Về giấy nhận nợ đề ngày 14/7/2014, nguyên đơn và bị đơn trình bày giấy nhận nợ là do bà H ghi tại nhà bà H, sau đó gọi ông M sang nhà bà H điểm chỉ. Nguyên đơn ông H cho rằng ông M đã được nghe đọc nội dung giấy nhận nợ sau đó mới điểm chỉ vào giấy nhận nợ. Bị đơn ông M trình bày ông không biết chữ nên không biết nội dung trong giấy là ông M vay của ông H số tiền 900.000.000đ mà chỉ nghe bà H (con gái ruột của ông) và ông H nói là điểm chỉ vào giấy để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng về nên ông điểm chỉ vào giấy nhận nợ nói trên. Tại bản tự khai gửi cho Tòa án đề ngày 26/6/2018, bà H trình bày bà không biết việc vay mượn giữa ông Nguyễn Hoành H và ông Lương Văn M, bà không chứng kiến, không tham gia ký bất kỳ văn bản giấy tờ nào về việc vay mượn giữa ông Lương Văn M và ông Nguyễn Hoành H.

[I.2] Đối chiếu lời khai giữa ông M, ông H, bà H và các nhân chứng do Toà cấp sơ thẩm thu thập được như ông Vũ Xuân V, anh Lương Việt P, thấy:

[I.2.1] Về lời khai của ông M, trước sau đều thống nhất rằng ông có điểm chỉ vào giấy nhận nợ do nguyên đơn nộp để làm căn cứ khởi kiện, nhưng ông cho rằng ông không biết rõ nội dung, chỉ nghe bà H, ông H, ông V nói ký vào để làm sổ đỏ (Giấy chứng nhận QSDĐ) của ông về nên ông mới điểm chỉ vào giấy biên nhận nợ.

[I.2.2] Về lời khai của ông Nguyễn Hoàng H: Ông H khởi kiện yêu cầu ông M trả 900.000.000 triệu đồng đã vay, nhưng lời khai của ông có nhiều mâu thuẫn trong việc xác định thực tế ai là người vay số tiền 900.000.000 triệu đồng và về thời gian vay cụ thể: Tại bản tự khai ngày 30/09/2016 (BL 21-22) biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2016 (BL 26-27), ngày 28/02/2018 (BL 45-46) bản tự khai ngày 28/03/2019 (BL 49) có các nội dung là Bà Lương Minh H gọi điện cho ông hỏi vay tiền, ngày 14/7/2014, ông cùng ông V (Là người cùng góp vốn cho vay) đến nhà bà H, biết trong số tài sản thế chấp có đất của ông M…tôi yêu cầu ông M phải trực tiếp đứng ra nhận nợ đối với khoản tiền… 900.000.000 triệu đồng. Theo lời khai này của ông H thấy chưa đủ căn cứ để xác định ông M là người vay tiền, hoặc là người đứng ra nhận vay, hay là người bảo lãnh. Chính ông H khai ông là người trực tiếp giao tiền cho bà H để bà H trả tiền ngân hàng.

[II] Về thời gian vay: Ông H cung cấp bản gốc "giấy biên nhận vay tiền" (BL 43) thời gian được ghi trong giấy là ngày 14/7/2014, nhưng tại bản tự khai của ông H ngày 30/4/2016 (BL 21) lại khai ngày 14/7/2011 bà H là con gái ông M gọi điện vay tiền. Tại biên bản hoà giải ngày 14/10/2017 (BL 41- 42) do Toà cấp sơ thẩm thực hiện lại ghi ngày 17/4/2014. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2018 (BL 66 – 67) khi trả lời câu hỏi của Toà án về mâu thuẫn về thời gian tại giấy biên nhận tiền vay trong lời khai của ông H. Toà án đã tiến hành xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Lộc Hiệp có nội dung là: Bà H trả tiền vay vào ngày 14/8/2014 chứ không phải ngày 14/7/2014 như trong giấy biên nhận vay tiền nhưng ông H lại khai không nhớ chính xác, có thể là ngày 14/8/2014 nhưng do bà H viết. Với các mâu thuẫn như vậy, nhưng bản án sơ thẩm xác định ngày các bên ký vào giấy vay tiền là ngày 14/7/2014 mà không đưa ra các căn cứ để loại trừ những mâu thuẫn về lời trình bày của nguyên đơn.

[III] Về nguồn gốc của số tiền 900.000.000 đồng và lý giải lý do trong giấy vay tiền để trống tên người cho vay, lời trình bày của ông H có nhiều mâu thuẫn về nguồn gốc số tiền 900.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2016, ông H trình bày phần của ông V trong số tiền 900.000.000 đồng là 200.000.000 đồng, trong các lời khai khác của ông H lại trình bày phần của ông V góp để cho vay là 800.000.000 đồng. Vì lý do này nên trong giấy biên nhận vay tiền để trống tên người cho vay và cũng là lý do mà ông H lý giải trước đó có sự việc ông V đã sử dụng cùng một giấy "Biên nhận vay tiền" để kiện ông M tại Toà án. Đối với nội dung này, Toà án cấp sơ thẩm cần phải tiến hành đối chất giữa ông H và ông M để xác định có việc liên quan của ông M trong việc kiện đòi khoản vay này.

[IV] Biên bản xác minh tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn L ngày 13/4/2018 của Toà án cấp sơ thẩm thể hiện ý kiến của Ngân hàng về nội dung "Trong đó có khoản nợ ông M uỷ quyền cho bà H đứng vay" đối với ý kiến này cần phải thu thập hồ sơ tín dụng để xem xét có đúng thực tế hay không và theo lời trình bày của ông M thì ông M chỉ cho bà H mượn sổ đỏ (Giấy chứng nhận QSDĐ) để thế chấp cho Ngân hàng.

[V] Bên cạnh những thiếu sót trên, Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm về tố tụng, cụ thể như sau: Về thủ tục tố tụng niêm yết các giấy triệu tập, thông báo: Toàn bộ

các giấy triệu tập, thông báo, niêm yết đối với người liên quan là bà Lương Minh H ngày tháng đều bị tẩy sửa (BL 108, 115, 116, 127, 135, 136, 141, 144, 152, 153,107, 114, 126, 134, 140, 151), một số biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh cũng sửa chữa tương tự nên không đảm bảo tính khách quan. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Minh H trong vụ án này việc triệu tập, niêm yết giấy triệu tập đối với bà H của Toà án sơ thẩm không hợp lệ như trên đã đề cập. Trong hồ sơ vụ án có bản tự khai của bà H gửi theo đường bưu điện, bà H có ý kiến không liên quan đến vụ kiện nhưng theo lời trình bày của các đương sự khác trong vụ án thì bà H là người liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ để xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà H hay không. Ngoài ra, trình tự xét xử tại phiên tòa sơ thẩm cũng có những thiếu sót, Hội đồng xét xử sơ thẩm không yêu cầu các đương sự thực hiện quyền hỏi tại phần tranh tụng, ảnh hưởng đến quyền tranh tụng của các đương sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm điều tra thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa các đương sự với người làm chứng để xem xét, đánh giá các chứng cứ. Vì còn mâu thuẫn nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ căn cứ vững chắc. Những thiếu sót và vi phạm của Toà án cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do huỷ bản án sơ thẩm, nên án phí sơ thẩm sẽ được xem xét, giải quyết lại. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B về phần án phí sơ thẩm không xem xét. Do hủy án sơ thẩm nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa về những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc điều tra thu thập chứng cứ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Lương Văn M không phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Đức H.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Toà án nhân dân huyện B, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Sẽ giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Văn M không phải chịu, Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông M số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016098 ngày 30/10/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Đình Loan